

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

PGS. TS. MAI VĂN HÓA - NGUYỄN ĐỨC HIẾU*

Những năm qua, cùng với sự quan tâm của Bộ GD-ĐT, các trường đại học (ĐH) đã có nhiều cố gắng trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (NCKHXHNV) cho giảng viên (GV) nhưng chất lượng vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Để tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, tạo ra bước đột phá trong NCKHXHNV của GV, góp phần nâng cao vị thế, uy tín khoa học của cơ sở đào tạo, theo chúng tôi, các trường ĐH cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các giải pháp, trong đó tập trung vào những giải pháp cơ bản sau:

1. Tạo bước chuyển biến cơ bản trong nhận thức của GV về hoạt động NCKHXHNV

Trong giai đoạn hiện nay, vì nhiều lí do khác nhau, ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn đang dần thiếu đi sức hấp dẫn so với các ngành khoa học khác; điều đó ít nhiều tác động đến nhận thức của đội ngũ GV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của NCKHXHNV trong các trường ĐH. Không ít người cho rằng, nghiên cứu khoa học (NCKH) là hoạt động hỗ trợ cho các hoạt động khác và chỉ liên quan đến các khoa sư phạm. Chính nhận thức đó đã cản trở hoạt động NCKHXHNV của GV, ảnh hưởng đến chất lượng NCKH của các trường ĐH. Do vậy, cần thống nhất nhận thức về nội dung và tính chất hoạt động NCKHXHNV, đó là hoạt động có phạm vi, nội dung rộng lớn và có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động khác trong nhà trường, đồng thời được đặt ngang tầm với hoạt động dạy học, giáo dục và đào tạo. NCKH cũng không phải là hoạt động mang tính chất "thời vụ" mà là hoạt động thường xuyên, gắn liền với sự trưởng thành và phát triển về mọi mặt của con người. NCKHXHNV ở các trường ĐH không chỉ bó hẹp với các đề tài do cấp trên giao hay vấn đề lí luận gắn với nội dung chuyên ngành đào tạo, mà còn là vấn đề do thực tiễn của nhà trường đòi hỏi, những sáng kiến, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo các môn khoa học xã hội và nhân văn trong nhà trường,... Hơn bao giờ hết, đội ngũ GV ở các trường ĐH cần hiểu rằng, nâng cao chất lượng NCKHXHNV đang là

một nhiệm vụ rất quan trọng và bức thiết đặt ra ở cấp quốc gia, trong đó trách nhiệm trước tiên thuộc về các cơ quan nghiên cứu, trường ĐH, các nhà khoa học và trực tiếp là đội ngũ GV.

2. Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cho đội ngũ GV

Để nâng cao chất lượng NCKHXHNV ở các trường ĐH, tất yếu phải nâng cao năng lực NCKHXHNV cho đội ngũ GV, trong đó, cần chú trọng nâng cao khả năng vận dụng phương pháp luận NCKH, năng lực nghiên cứu các công trình, đề tài khoa học. Bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cho GV là con đường ngắn nhất, trực tiếp nhất, đồng thời mang lại hiệu quả thiết thực khi không có điều kiện đào tạo cơ bản, lâu dài. Tuy nhiên, bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cho đội ngũ GV cần được đổi mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Trước hết, cần rà soát, đánh giá đúng năng lực NCKH của từng GV, chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cho đội ngũ GV, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Các hình thức bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cần được đa dạng hóa cho phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, chẳng hạn như: thông qua giảng bài; tổ chức tọa đàm, sinh hoạt học thuật, thông tin khoa học và sinh hoạt chuyên môn; kết hợp giao nhiệm vụ với động viên khích lệ GV tham gia đề tài, viết bài gửi cho các báo, tạp chí; cử GV đi thực tế, tham quan. Công tác bồi dưỡng năng lực NCKHXHNV cho GV ở các trường ĐH cần tiến hành theo một quy trình khép kín, gắn chặt với khâu lựa chọn và sử dụng đội ngũ GV. Theo đó, các trường cần xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ khoa học cho các khoa, chú trọng đào tạo, tuyển dụng và sử dụng những GV có trình độ, có kiến thức thực tiễn và có năng lực giải quyết các vấn đề đặt ra. Về lâu dài, cần xây dựng đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành, chú trọng bồi dưỡng những GV trẻ có năng lực làm nòng cốt trong hoạt động NCKH.

3. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lí, tổ chức và điều hành hoạt động NCKH của GV

* Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Mục tiêu chung của đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động NCKH của GV là dân chủ hóa, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các khoa và năng lực nội sinh của đội ngũ GV; đồng thời, hợp lý hóa quy trình nghiên cứu, năng động hóa và đa dạng hóa các hình thức NCKH nhằm tạo ra chất lượng và hiệu quả cao. Theo đó, trong quản lý hoạt động NCKH của GV, các trường ĐH phải bảo đảm tính tập trung thống nhất cao, tính định hướng chính trị đúng đắn, thông thoáng về hình thức và phương pháp cụ thể. Về nguyên tắc, mọi hoạt động NCKH của GV cần đặt dưới sự chỉ đạo của ban giám hiệu nhà trường, trực tiếp là các khoa sư phạm; tuy nhiên, mỗi GV cần hết sức chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc đề xuất và tổ chức nội dung, hình thức nghiên cứu, không quá lệ thuộc vào sự quan tâm, giúp đỡ của nhà trường. Việc tổ chức lực lượng NCKH trong đội ngũ GV phải bảo đảm tính tập trung, đa dạng, tính mềm dẻo, tính liên kết, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các lực lượng tham gia và các nhiệm vụ nghiên cứu; cần tập trung huy động tối đa năng lực NCKH, đội ngũ GV có học vị thạc sĩ, tiến sĩ; xây dựng và đẩy mạnh phong trào NCKH của GV trong nhà trường và giữa các trường có cùng chuyên ngành đào tạo. Cơ chế quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động NCKH của GV phải thể hiện được tính pháp lý, vừa gắn trách nhiệm, vừa đảm bảo được quyền lợi của GV đối với nhiệm vụ NCKH của nhà trường.

4. Đưa yếu tố khoa học thâm nhập sâu vào hoạt động giảng dạy

Ở trường ĐH, giáo dục, đào tạo và NCKH là các nhiệm vụ cơ bản, quan trọng hàng đầu. Các hoạt động này thâm nhập vào nhau, gắn bó chặt chẽ, tạo tiền đề và điều kiện cho nhau phát triển. Giảng dạy và NCKH thuộc về chức năng, nhiệm vụ của GV, vì vậy, nâng cao chất lượng NCKH của GV không thể không tính đến yếu tố giáo dục, đào tạo, trong đó có hoạt động giảng dạy. Đưa yếu tố khoa học thâm nhập sâu vào hoạt động giảng dạy nhằm nâng cao tư duy lý luận và phát triển năng lực NCKH của GV, đáp ứng được yêu cầu về giáo dục, đào tạo, NCKH của nhà trường. Để làm được điều đó, vấn đề quan trọng trước hết là trong quá trình chuẩn bị bài giảng, mỗi GV cần xác định hướng tiếp cận kiến thức và kỹ năng NCKH cũng như những vấn đề, nội dung có thể định hướng cho hoạt động nghiên cứu. Phần đầu mỗi bài giảng trở thành một công trình khoa học, trong đó GV vừa là người truyền đạt kỹ năng, nội dung nghiên cứu, vừa là người khám phá tri thức khoa học. Coi trọng nâng cao chất lượng bài giảng

cả về nội dung và phương pháp, thực hiện khoa học hóa phương pháp giảng dạy; tăng cường thông tin khoa học trong nội dung bài giảng; đưa kết quả NCKH của các công trình, đề tài đã được thẩm định vào bài giảng một cách linh hoạt, sáng tạo. Đặc biệt, cần hết sức chú trọng thực hiện phương châm tăng tính thực tiễn trong nội dung bài giảng, qua đó nảy sinh ý tưởng, những vấn đề cần nghiên cứu do chính sự đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

5. Tăng cường các chính sách đãi ngộ, tạo động lực cho GV NCKH

Chính sách đãi ngộ là một công cụ quản lý xã hội hữu hiệu, có vai trò thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của xã hội. Trong điều kiện hoạt động NCKHXHNV còn gặp nhiều lực cản bởi cơ chế, chính sách như hiện nay, việc các trường ĐH tăng cường chính sách đãi ngộ đối với GV sẽ tạo động lực to lớn để họ phấn đấu, cống hiến cho hoạt động NCKH. Mục tiêu của chính sách đãi ngộ mà các trường ĐH cần hướng tới là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm ngày càng tốt hơn về kinh phí, điều kiện phương tiện vật chất, kỹ thuật, thông tin... để thúc đẩy mạnh mẽ công tác NCKH, thu hút nhân tài trong đội ngũ GV. Những chế độ, chính sách đãi ngộ vật chất, tinh thần trực tiếp thông qua sự ưu tiên, ưu đãi trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, tiền lương, phụ cấp, khen thưởng, tăng thù lao, nhuận bút và kinh phí nghiên cứu cho các công trình, đề tài khoa học... Các chế độ, chính sách đãi ngộ gián tiếp thông qua các quy định về cơ chế hợp tác, giao lưu, tạo lập môi trường NCKH; các quy định về tiêu chuẩn trang bị phương tiện, điều kiện làm việc cho các hoạt động NCKH,... Chính sách đãi ngộ cần được thực hiện một cách nhất quán, tạo được sự tin tưởng tuyệt đối trong đội ngũ GV, đồng thời phải tương xứng với thành quả lao động của họ. Thông qua các chế độ, chính sách cụ thể, góp phần tái tạo sức lao động đã hao phí, không ngừng mở rộng, phát triển nguồn nhân lực khoa học, thu hút người tài, người có khả năng NCKH vào lĩnh vực NCKHXHNV, ngăn chặn tình trạng lãng phí và "chảy máu" chất xám ở các trường ĐH. Mọi thái độ tuyệt đối hóa hoặc xem nhẹ, hạ thấp vai trò của chính sách đãi ngộ đối với GV trong NCKH, nhất là trong cơ chế kinh tế thị trường như hiện nay đều trái với quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và không thể thúc đẩy, nâng cao

(Xem tiếp trang 35)

động của cuộc sống. Dạy học GQVĐ làm cho SV ý thức được việc học tập, giải quyết vấn đề... chính là con đường cơ bản nhất để tiếp thu tri thức, hình thành năng lực để thay đổi và phát triển chính mình, trở thành nhà kĩ sư chuyên nghiệp. Không ai khác, phải chính SV có nhu cầu, mong muốn, tự giác tích cực trong việc học tập nhằm thay đổi chính mình mới tạo ra sự thay đổi của họ. Quán triệt nguyên tắc này GV phải luôn là người cố vấn, tổ chức, điều khiển, điều chỉnh để quá trình học tập của SV diễn ra tích cực theo mong muốn.

Dạy học GQVĐ là một quan điểm dạy học tích cực có nhiều ưu điểm, có thể vận dụng ở nhiều bậc học, nhiều ngành học, môn học khác nhau. Tuy nhiên, thực tế dạy học cũng cho thấy không có phương pháp nào là vạn năng phù hợp với tất cả đối tượng. Vậy nên, với mỗi đối tượng cụ thể, GV cần quán triệt một nguyên tắc riêng nhất định để dạy học GQVĐ luôn phù hợp và phát huy tối đa ưu điểm của mình. □

Tài liệu tham khảo

1. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường. Lí luận dạy học kĩ thuật - Phương pháp và quá trình dạy học, Berlin - Hanoi 2001.
2. Đặng Thành Hưng. **Dạy học hiện đại: Lí luận - Biện pháp - Kĩ thuật.** NXB Đại học quốc gia, H. 2002.
3. V. Ô Kôn. **Những cơ sở của việc dạy học nêu vấn đề.** NXB Giáo dục, H. 1976.
4. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt. **Giáo dục học tập 1, 2.** NXB Giáo dục, H. 1998.

SUMMARY

On the basis of analyzing the nature of problem-solving teaching and studying characteristics of learning activities of technical junior college students, the article raises several principles of problem-solving teaching in technical junior colleges nowadays. Application of problem-solving teaching in teaching technical modules makes dry technical knowledge easier to understand, links theory to practice, helps students not only thoroughly mastering knowledge, developing mental qualities but also forming positive professional sentiments.

Tự kỉ và giáo dục trẻ...

(Tiếp theo trang 24)

for young children with autism. Pro-ed an international Publisher, USA. 1996.

3. SL. Harris SL. **Changes in cognitive and language functioning of preschool children wit autism.** Journal of autism and deverlopmental disorder 21. 1991.

4. Robert L. Koegel - Lynn Kern Koegel. **Teaching Children with Autism.** 1994.

5. Sicile - C. Kira. **Autism spectrum disoder.** The Berkley Publishing group, NewYork, USA. 2004.

6. B. Siegel. **Helping children with autism learn.** Oxford University. 2003.

SUMMARY

Autism disorder is a type of pervasive development disorders, which lasts to the whole life and affects seriously to the social relations, social communications, imagination, and behaviour of children. Autistic children have difficulties in learning, perception, and knowledge about the world. One of the best method in taking care of and supporting the autistic children is to take the autistic children into inclusive education environment which the specially-educated teachers take part in.

Một số giải pháp nâng cao...

(Tiếp theo trang 12)

chất lượng NCKHXHNV của GV các trường ĐH, kể cả trước mắt cũng như trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. **Quyết định Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, Số 418/QĐ-TTg.**

2. Học viện Chính trị quân sự. **Mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn.** NXB Quân đội nhân dân, H. 2004.

3. Nguyễn Văn Tuấn. **Đi vào nghiên cứu khoa học.** NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, H. 2012.

4. Vụ Quản lí khoa học. **Quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học lí luận Mác - Lênin.** NXB Sự thật, H. 1992.

SUMMARY

Quality of scientific research on social and humanity sciences done by lecturers in universities is always a special concern of organizations at all levels that are in charge of national education area. In recent years, along with the interest of the Ministry of Education and Training, many universities have made great efforts in directing, organizing social sciences and humanities research activities, but the quality of social sciences and humanities research of lecturers has not been significantly improved yet. To continue removing the difficulties and generating breakthrough in the quality of social sciences and humanities research of lecturers, taking part in improving their status and prestige of scientific research, universities should keep on studying, developing and implementing the solutions which focus on awareness raising, capacity building, management mechanism innovation and preferential policies for the lecturers.